

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 31/8/2017

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Thuận;

2. Bà Hoàng Thị Thanh Tú.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Anh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nông Văn C**, sinh năm 1984; (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: **Lường Thị T**, sinh năm 1989; (Có mặt);

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn (Nông Văn C) trình bày: Anh và chị Lường Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2014 tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ của anh C tại thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, đến tháng 6/2014 vợ chồng anh xin bố mẹ ra ở riêng, lên núi dựng lán, trại để làm kinh tế chăn nuôi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc lên kế hoạch sinh con chung, anh C mong muốn hai vợ chồng sẽ sinh con chung ngay, để tình cảm vợ chồng thêm gắn bó, vì bản thân chị T đã có một người con riêng sống cùng vợ chồng anh. Tuy nhiên, chị T lại có quan điểm yêu cầu gia đình anh C phải

xây nhà riêng, chia đất đai cho vợ chồng anh và kinh tế gia đình ổn định thì mới sinh con. Do vậy, vợ chồng mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, chị T đã bỏ nhà về sống với bố mẹ đẻ tại xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng anh không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Cường xác định vợ chồng anh không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn (Lường Thị T) trình bày: Quá trình hôn nhân cơ bản đúng như trình bày của anh C, tuy nhiên theo chị thì quá trình chung sống vợ chồng chị vẫn hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Do kinh tế quá khó khăn, hơn nữa bản thân chị lại có một người con riêng, do đó chị có bàn bạc với anh C kinh tế gia đình phải tương đối ổn định và có nhà ở riêng, thì hai vợ chồng mới sinh con chung. Đến tháng 3/2015 chị T đi làm công nhân ở Công ty Sam Sung Thái Nguyên, còn anh C ở nhà làm kinh tế chăn nuôi. Đến cuối năm 2015, do anh C không tự trang trải được công việc ở nhà, nên anh C cũng đi làm ăn xa nhà. Sau đó thì chị nghe tin anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhưng anh C không thừa nhận. Đến cuối năm 2016, chị gọi điện thoại cho anh C để về quê ăn tết, nhưng anh C không về và vợ chồng chị sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị không liên lạc với nhau vì anh C đã thay số điện thoại và không cho chị biết địa chỉ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên nếu anh C cương quyết xin ly hôn phải đáp ứng hai yêu cầu như sau:

- Thứ nhất, anh C phải có trách nhiệm bồi thường nhân phẩm và tuổi xuân cho chị với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

- Thứ hai, anh C phải làm lễ dâng lên báo cáo tổ tiên, để tuyên bố chị và anh C không còn là vợ chồng nữa.

Nếu anh C chấp nhận hai yêu cầu nêu trên, thì chị sẽ đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T nhất trí với lời khai của anh C.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX sơ thẩm căn cứ các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xem xét quyết định chấp nhận đơn xin ly hôn của anh C.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

1. Về tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo Điều 205 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nông Văn C và chị Lương Thị T là hợp pháp. Quá trình xác minh, tại chính quyền địa phương thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nơi các đương sự chung sống và gia đình anh C đã cho biết: Sau khi kết hôn, anh C và chị T bất đồng quan điểm trong việc lên kế hoạch sinh con chung, dẫn đến cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, chị T đã bỏ nhà về sống với bố mẹ đẻ tại xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T thừa nhận vợ chồng chị đã sống ly thân và trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên lạc với nhau, nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên, nếu anh C cương quyết xin ly hôn, thì phải bồi thường danh dự nhân phẩm và tuổi xuân cho chị với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và làm lễ dâng tổ tiên tuyên bố anh chị không còn là vợ chồng nữa, thì chị sẽ đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, xác định tình cảm vợ chồng không còn và không nhất trí với yêu cầu của chị T, vì hai bên kết hôn tự nguyện, anh không làm điều gì ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm của chị.

Như vậy, việc chị T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có mâu thuẫn là không có cơ sở, trong thời gian sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, vợ chồng chị không liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chính chị T cũng thừa nhận điều này, đồng thời chị T sẽ nhất trí ly hôn, nếu anh C bồi thường nhân phẩm và tuổi xuân cho chị. Việc chị T không nhất trí ly hôn chỉ là gây khó khăn cho anh C.

Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định, tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C.

2. Về con chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị T, yêu cầu anh C phải có trách nhiệm bồi thường nhân phẩm và tuổi xuân cho chị với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và phải làm lễ dâng lên báo cáo tổ tiên để tuyên bố chị và anh C không còn là vợ chồng nữa. Xét thấy, yêu cầu trên của chị T không được Luật Hôn nhân và gia đình quy định, do vậy yêu cầu này không được chấp nhận.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về việc chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường danh dự nhân phẩm và tuổi xuân với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của chị T không được chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận định, đây là điều kiện của bị đơn đưa ra để nhất trí hoặc không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, hơn nữa yêu cầu này không được Luật Hôn nhân và gia đình quy định. Do vậy, không cần buộc bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nông Văn C. Anh Nông Văn C được ly hôn chị Lương Thị T.

2. Về con chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Anh Nông Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do anh C đã nộp theo biên lai số 07599, ngày 19/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Quảng Chu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

